

VỊ THẾ QUẢNG BÌNH TRONG CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG ĐÀNG TRONG CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN

PGS.TS. ĐỖ BANG

Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

ThS. ĐOÀN ANH THÁI

Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Quảng Bình dưới thời các chúa Nguyễn

Từ “Ô Châu ác địa” đến “Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân”, là dấu ấn lịch sử đậm nét về vùng đất Thuận Quảng, một thử thách sống còn trong buổi đầu khai phá vùng đất mới của chúa Nguyễn Hoàng.

Để tránh cái họa diệt thân, Đuan Quận công Nguyễn Hoàng đã xin với Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa. Trịnh Kiểm đã đồng ý và muốn nhân cơ hội này mượn các thế lực ở đây trong đó có quân Mạc để giết Nguyễn Hoàng, như sử cũ đã ghi: “*Mưu của Kiểm sai Hoàng vào trấn thủ ở đó là có ý muốn mượn tay họ Mạc để giết Hoàng. Tâm địa của Kiểm như thế, nhưng đạo trời không phải thế*”¹. Hơn nữa, vùng đất này là nơi hoang vu, sơn lam chướng khí, cũng là nơi tung hoành của những tay giang hồ, kẻ du thực bất tuân phép nước. Linh mục Cristoforo Borri² có quãng thời gian sống ở Đàng Trong (1618-1622), đã ghi nhận về sự phức tạp đó: “*Bề rộng của nó không đáng kể, vì nó bị bó hẹp trong khoảng không gian 20 dặm đường thẳng, một phía tận cùng là biển, phía kia là dãy núi lớn, nơi cư ngụ của những “Kẻ Mòi”³, danh xưng có nghĩa là những người man rợ, vì mặc dù họ là những người thuộc xứ Đàng Trong nhưng họ không biết tuân lệnh chút nào đối với nhà vua trong bất cứ chuyện gì, họ chỉ tin vào sự khắc nghiệt của rừng núi tiếp giáp với vương quốc Lào*”⁴.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa, lấy thu phục nhân tâm làm đầu. Việc đầu tiên Nguyễn Hoàng cho quân và dân tập trung sản xuất lúa gạo và các cây lương thực, trồng tiêu ở Cồn Tiên. Ở đây, ông đã chú trọng hệ thống tưới tiêu phục vụ cho nông nghiệp, mở rộng ngoại thương. Do buổi đầu vào trấn thủ tiềm lực còn yếu cả về kinh tế lẫn quân sự nên ông chọn giải pháp ngoại giao mềm dẻo để thu phục lòng người, dùng những đối sách hợp lý để tránh họa binh đao.

Đất Quảng Bình thuộc quyền quản lý của chúa Nguyễn là từ phía Nam sông Gianh trở vào. Năm 1604, Nguyễn Hoàng cho đặt tên mảnh đất này là phủ Quảng Bình. Tên gọi Quảng Bình bắt đầu từ đây, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên cho

¹ Nguyễn Khoa Chiêm, *Trịnh - Nguyễn diễn chí*, Tập 1, Ngô Đức Thọ giới thiệu, dịch và chú giải, Sở văn hóa thông tin Bình - Trị - Thiên, 1986, tr. 44.

² Cristoforo Borri (1583-1632), sinh ra ở thành phố Millan (thuộc Ý). Có nhiều ý kiến cho rằng, ông sống khoảng 5 năm ở Đàng Trong và nói rõ được tiếng địa phương ở đây, có người thì nói ông sống vài năm.

³ Kẻ Mòi, “những người Mòi”.

⁴ Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, bản dịch Nguyễn Hữu Sà dịch, Lê Nguyễn Lưu, Võ Nhị Xuyên hiệu chỉnh, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2003, tr. 355.

đổi lại thành dinh Quảng Bình. Dưới thời các chúa Nguyễn đã xây dựng một bộ máy cát cứ, có những khác biệt đối với triều Lê - Trịnh, nhằm khẳng định sự độc lập của mình “*lúc họ Nguyễn chưa ra mặt chống nhau với họ Trịnh thì quan lại vẫn ở ngoài Bắc bỏ vào nhưng mà từ khi chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên không chịu nộp thuế cho nhà Lê và đem quân chống giữ với quân họ Trịnh ở Bắc Bộ Chính thì quan viên do chúa Nguyễn đặt lấy cả*”⁵.

Chính quyền Đàng Trong được ghi nhận là sự dung hòa giữa hai chính quyền Nhật Bản và Trung Hoa: “*Nhìn chung, chính quyền Đàng Trong ở giữa chính quyền Nhật Bản và Trung Hoa, bởi vì khi người Nhật không coi trọng học thuật hơn võ thuật thì trái ngược lại người Trung Hoa lao mình vào hoạt động học thuật cao siêu mà ít coi trọng võ thuật. Người Đàng Trong cũng không quá xa lánh người này và cũng không hoàn toàn theo về người kia. Người ta khuyến khích dân chúng đồng đều cả võ thuật và học thuật tùy theo hoàn cảnh, đào luyện và nuôi dưỡng lên các cấp bậc và các đỉnh cao xứng đáng khi người tiến sĩ, khi người chiến sĩ, tùy vào lúc họ cần loại người này hay loại người khác*”⁶.

Năm 1600, Nguyễn Hoàng từ Thăng Long về Thuận Hóa bắt đầu có ý đồ lập giang sơn riêng về phía Nam nên cho quan quân ngày đêm luyện tập, cùng với việc chiêu mộ thêm quân lính làm kế sách lâu dài. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã thực hiện chính sách cát cứ nhằm tách khỏi sự chi phối của chính quyền Đàng Ngoài khi chúa quyết định không nộp thuế và tiến hành xây dựng cho mình một đội quân mạnh. Có thể nói, sức mạnh quân sự của các chúa Nguyễn lúc này có những bước tiến vượt bậc “*Họ cũng rất rõ loại súng hỏa mai, và trong mọi thời gian họ đều ra đồng với hàng ngũ chinh tề để tập làm quen, để điều chỉnh khả năng tác xạ của họ. Điều này còn là một điều cổ vũ cho sự nổi dậy, và họ có hơn 100 chiến thuyền. Và như thế họ trở nên mạnh trên mặt biển, và cũng có thêm pháo binh trên đất liền, khiến ông ta dễ dàng đi đến chỗ chống lại nhà vua xứ Bắc Hà*”⁷.

Dưới thời chúa Nguyễn, những công trình quân sự được xem là kỳ vĩ đều xây dựng trên đất Quảng Bình nhằm chống lại sự tấn công của Đàng Ngoài đó là: tuyển phòng ngự lũy Trường Dục, tuyển phòng ngự lũy Nhật Lệ, tuyển phòng ngự lũy Trường Sa... Đây là những công trình tiêu biểu cộng với sự đồng lòng của quân dân Đàng Trong nói chung và quân dân Quảng Bình nói riêng đã làm cho quân của Đàng Ngoài trong 45 năm tiến hành chiến tranh phải chịu thất bại (1627-1672).

Từ khi các chúa Nguyễn thu phục được nhân tâm, làm cho mọi người hưởng ứng theo về, Thuận Hóa đã khoác lên mình một diện mạo mới. Mảnh đất Quảng Bình đã trở nên đông đúc về dân cư, đất đai màu mỡ với một nền nông nghiệp trù phú: “*Huyện Lệ Thủy xóm làng liền nhau, đều là đất bùn ruộng cát, dưới thì gần đầm, một dải rộng*

⁵ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Thuận Hóa, 2006, Huế, tr. 351.

⁶ Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, Sdd, tr. 393.

⁷ Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, Sdd, tr.401-402.

rãi, ruộng thì lấy bùn, một năm hai vụ lúa, vụ hạ cấy lúa tẻ có thứ gọi là lúa chiêm thông, thóc gạo đều trắng, hạt nhỏ, hợp với ruộng cát, tháng 11 cấy, tháng 4 chín; có thứ tên là lúa nước mặn, thóc trắng, gạo đỏ, hạt to, hợp với ruộng sâu, tháng giêng cấy, tháng 5 chín. Giống lúa nếp thì có thứ tên là nếp măng; thóc đỏ gạo trắng....có thứ tên là nếp chằm, hoa trắng, thóc đỏ có râu, gạo trắng mà tròn lớn, cơm thơm dẻo, hơi mặn, hợp với ruộng bùn, cũng tháng 6 cấy, tháng 10 chín”⁸. Lương thực không những đáp ứng nhu cầu cho trong địa hạt mà còn cung cấp cho nơi khác. Thủ công nghiệp nhanh chóng phát triển, sản xuất ra những loại hàng hóa không những được trong xứ ưa chuộng mà còn thu hút các thương lái các nước ngoài đến bán buôn.

Bên cạnh đó, thương nghiệp cũng được phát triển nhanh chóng cả nội thương và ngoại thương. Nội thương có những làng buôn nổi tiếng như ở Lý Hòa, Cảnh Dương. Có chợ nổi tiếng như chợ Ba Đồn (chợ Ba Đồn thường họp vào các ngày mùng 1, 6, 11, 16, 21, 26 trong tháng, đây là chợ dùng để bán buôn nhiều thứ nhưng nổi bật nhất là bán trâu, bò)... buôn bán nội thương đã trở nên sôi nổi trên đất Quảng Bình. Cùng với nội thương là sự phát triển nhanh của ngoại thương, do chúa Nguyễn đã có những chính sách thu hút người nước ngoài đến đây để bán buôn “vua xứ Đàng Trong đã cho vào tự do đối với tất cả các người nước ngoài”⁹. Có thể nói rằng, dưới thời chúa Nguyễn, Đàng Trong đã có một nền ngoại thương rất phát triển và dinh Quảng Bình cũng theo xu thế tích cực đó: “Gỗ kiên kiên thớ gỗ nhỏ mịn, cứng bền, lâu hỏng, chôn sâu dưới đất mấy thước trăm năm không hư. Khách buôn Quảng Đông nói gỗ này tức kinh thư gọi là gỗ nam, có mùi thơm thì gọi là hương nam, sắc vàng thì gọi là hoàng nam, sắc trắng thì gọi là bạc nam, ở đầu nguồn châu Nam Bố Chính và các huyện Khang Lộc, Quảng Điền, Phú - Vang đều có cả”¹⁰.

Kinh tế phát triển là động lực thúc đẩy và phân hóa của xã hội. Cư dân Quảng Bình lúc này không ngừng tăng lên do sự di cư của những người từ Bắc vào, chủ yếu là vùng Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh... Họ di dân theo gia đình, dòng họ, có khi là những binh lính và các tướng lĩnh đi chiến đấu rồi xin ở lại vùng đất này, có những người bắt buộc dĩ phải đi trốn tránh, những tù phạm... Họ vào nơi đây để tìm chỗ nương thân. Ở Lệ Thủy ngày nay còn rất nhiều làng lấy tên các họ để đặt như làng Võ Xá, Văn Xá, Mai Xá, Huỳnh Xá, Lê Xá, Hồ Xá... Nguồn dân di cư này đã mang lại cho Quảng Bình những đổi thay mới về phong tục tập quán. Về mặt giáo dục, vùng đất Thuận Hóa cũng có những tiến bộ vượt bậc, Giáo sĩ Cristoforo Borri ghi lại với một tinh thần ngưỡng mộ: “Người ta thấy ở Đàng Trong nhiều trung tâm đại học, trong đó có giáo sư, có các trường học, các tầng lớp theo hạng bậc do con đường thi cử, giống như của Trung Hoa”¹¹. Quảng Bình là mảnh đất hiếu học, nơi đào tạo nên những con người xuất chúng như Dương Văn An, trong lời đề tựa của cuốn *Ô Châu cận lục*, ông viết “Tôi sinh trưởng trên mảnh đất này, lấy trường văn trận bút làm sự nghiệp hòng

⁸ Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 344.

⁹ Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, Sdd, tr. 411.

¹⁰ Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập 1, Sdd, tr.319.

¹¹ Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, Sdd, tr. 393.

thỏa chí bay nhảy. Chuyên cần đèn sách nhiều năm, đến khoa thi Đình Mùi (1547) đỗ tiến sĩ. Thế mới rõ phép nhiệm màu của sự đổi thay thời vận. Giờ là lúc triều đình trọng đãi trí thức, nhưng cá nhân cũng cần nỗ lực dùi mài khổ luyện”¹². Bên cạnh đó các phong tục tập quán về cưới xin, ma chay, lễ hội, cúng Thành Hoàng cũng có những điểm đặc sắc ở vùng đất Quảng Bình. Cùng với truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, con người Quảng Bình luôn biết ơn các thế hệ cha ông đi trước, được thể hiện trong đạo hiếu và việc thờ cúng tổ tiên.

Quảng Bình dưới thời các chúa Nguyễn là nơi biên địa giữa hai thế lực phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài. Quảng Bình là nơi diễn ra những cuộc giao tranh ác liệt. Cũng từ những khó khăn đó đã tạo nên truyền thống bất khuất, kiên cường của con người nơi đây.

Sự vững mạnh, phát triển nhanh chóng của vùng đất Thuận Quảng nói chung và Quảng Bình nói riêng là do những vị chúa đầu đã thu phục được lòng dân, tạo nên được một khối đoàn kết thống nhất. Nhưng dần về sau sự ăn chơi sa đọa của các chúa, loạn thần tiếm quyền, thẳng tay áp bức dân chúng bằng sưu cao thuế nặng, chiến tranh liên miên, lại không quan tâm đến việc phát triển kinh tế, dân sinh... khiến nhân dân đói khổ lầm than. Tất cả điều đó dẫn đến những cuộc khởi nghĩa nông dân và phong trào nông dân Tây Sơn đã đánh sụp chế độ đang mục nát của chúa Nguyễn vào cuối thế kỉ XVIII.

2. Vị thế Quảng Bình trong chiến lược xây dựng Đàng Trong

- Về địa bàn chiến lược

Trước khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ, Trịnh Kiểm đã đánh giá cao vai trò và vị thế của vùng đất này. Một mặt Trịnh Kiểm muốn cho Nguyễn Hoàng vào trấn thủ để diệt trừ hậu họa. Nếu tồn tại được thì dựa vào tài năng dẹp loạn của Nguyễn Hoàng để bảo vệ vùng biên cương ở phương Nam. Trịnh Kiểm từng nói “*Thuận Hóa là nơi quan trọng, quân và của do đấy mà ra, buổi quốc sơ nhờ đấy mà nên nghiệp lớn. Nay lòng dân hãy còn tráo trở, nhiều kẻ vượt biển đi theo họ Mạc, sợ có kẻ dẫn giặc về cướp, ví không được tướng tài trấn thủ võ yên thì không thể xong. Doan quận công là con nhà tướng, có tài trí mưu lược, có thể sai đi trấn ở đấy, để cùng với tướng trấn thủ Quảng Nam cùng nhau giúp sức thì mới đỡ lo đến miền Nam*”¹³.

Quảng Bình có địa hình rất thuận lợi cho việc phòng thủ với những dãy núi che chắn từ phía Tây, có những ngọn núi cao như Đâu Mâu, Thần Đinh. Chúng tôi đã có ghé thăm núi Thần Đinh, đây là một trong những ngọn núi thuộc vào cao nhất ở Quảng Bình, nơi đây có thể quan sát dễ dàng và phát hiện kẻ thù từ đằng xa. Cửa biển Nhật Lệ với nước sâu dễ dàng cho tàu thuyền ra vào, đây là một trong những con đường mà thế lực Đàng Ngoài tiến vào để đánh chúa Nguyễn vì nếu vượt qua được phòng tuyến cửa biển Nhật Lệ thì có thể cho thuyền đi sâu vào vùng đất liền với con

¹² Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Văn Thanh, Phan Đăng dịch và chú giải, Nxb Chính trị Quốc gia, 2009, tr.16.

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, bản dịch của Viện Sử học, tái bản lần thứ nhất, Nxb Giáo dục, 2007, tr.28.

sông Nhật Lệ. Trên đường bộ thì có sông Gianh ngăn trở bước tiến của quân Trịnh từ bắc vào. Điều đáng nói ở đây là sông Gianh nối liền với biển cả, với cửa biển rộng, tương đối sâu, dễ dàng cho thuyền ra vào. Hơn nữa, phía Tây là thượng nguồn với rừng núi rậm rạp, từ đây có thể đi qua nước Lào. Chúng ta không lấy làm ngạc nhiên khi trong sách *Đại Nam nhất thống chí* dưới triều Nguyễn đánh giá cao về hình thế Quảng Bình rằng: “*Hạt tỉnh phía Đông giáp biển cả, phía Tây không chế sơn man, phía Nam hướng vào kinh kì, phía Bắc liền với Hoan Châu; núi cao thì có núi Đâu Mâu, Thần Đinh; sông lớn thì có sông Linh Giang (Gianh) và Nhật Lệ; hiểm trở thì trong có trường thành Định Bắc, thành đặt hai cửa quan có thêm phần hiểm trở, ngoài có một dãy Hoành Sơn (đèo Ngang), trên núi đặt cửa quan, có thể chống chọi, biển lớn bao bọc, sông dài quanh co, cửa ngang lũy dọc, chặn đường xung yếu của hữu kì, giữ vững miền thượng du của Bắc Trục; hình thế có thể nhờ vậy làm bức bình phong cho kinh sư*”¹⁴.

Quảng Bình có nhiều lợi thế địa chiến lược và các chúa Nguyễn đã biết dựa vào đó để phát huy rất có hiệu quả. Sau một thời gian lập nghiệp ở đất Thuận Hóa nói chung và mảnh đất Quảng Bình nói riêng, đến cuối đời, Nguyễn Hoàng trước khi qua đời đã gọi các công thần và người con thứ 6 Nguyễn Phúc Nguyên lại trấn trối rằng: “*Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi Ngang (Hoành Sơn) và sông Gianh (Linh Giang) hiểm trở, phía Nam ở núi Hải Vân và núi Đá Bia (Thạch Bi sơn) vững bền. Núi sẵn vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân luyện binh để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không địch được, thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội, chớ đừng bỏ qua lời dặn của ta*”¹⁵. Các địa danh mà Nguyễn Hoàng nhắc đến ở phía Bắc đều nằm trên vùng đất Quảng Bình.

Các chúa tiếp theo vẫn theo lời di chúc của chúa Nguyễn Hoàng luôn luôn xem trọng Quảng Bình. Với địa thế hiểm trở, thêm vào đó là vị trí chiến lược của nó trong đối sách chống lại thế lực chúa Trịnh nên được các chúa Nguyễn hết sức chú trọng. Các chúa đã tiến hành đặt quan lại và có những kế sách tác chiến bảo vệ vùng biên viễn phía bắc của lãnh thổ mình. Trong tất cả các trận đánh lớn với thế lực Đàng Ngoài trong 45 năm diễn ra ác liệt thì hầu hết đều trên đất Quảng Bình. Chúa Nguyễn lấy Nam sông Gianh làm biên cương nên quân đội và bố phòng các công trình quân sự đều tập trung trên mảnh đất này. Nếu như tuyến phòng thủ Quảng Bình bị xuyên phá thì có lẽ mảnh đất mà chúa Nguyễn gây dựng bao lâu nay lại nằm trong tay thế lực Đàng Ngoài. Chính vì điều quan trọng về địa thế chiến lược đó mà trên đất Quảng Bình chúa Nguyễn đã cho xây dựng các lũy bảo vệ như tuyến phòng ngự lũy Trường Dục, tuyến phòng ngự lũy Nhật Lệ, tuyến phòng ngự lũy Trường Sa... Đây là những lũy kiên cố, chặn đứng có hiệu quả sau 6 lần tấn công của quân Trịnh. Linh mục Cristoforo Borri, trong tạp chí *BAVH* cũng đã ghi nhận rằng: “*Sãi vương vội vàng dựng một vài công sự phòng thủ ở tả ngạn sông Nhật Lệ, và nhờ năng lực của quân*

² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb Thuận Hóa, 2006, Huế, tr.12.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.37.

đội mình cũng như tài năng khôn khéo của các tướng lĩnh, ông đã đẩy lùi được kẻ thù. Các trận đánh đầu tiên này khiến ông hiểu rằng ông phải lo lắng chừng nào trong tương lai. Và rồi ông liền đặt vùng biên giới của mình trong vòng phòng thủ và xây hai bức thành lớn trên các bờ sông Nhật Lệ mà hiện nay ta còn thấy ở vùng ngoại vi Đồng Hới. Đồng thời ông chiếm cứ phân nửa châu Bố Chính mà cha ông đã cai quản, nhưng rồi về sau họ Trịnh lấy lại. Vậy là biên giới phía Bắc của quốc gia mới của triều Nguyễn là sông Gianh, con sông tưới nước cho vùng bắc Quảng Bình”¹⁶.

Không riêng gì vùng Nam sông Gianh mà Bắc sông Gianh cũng được chúa Trịnh chú trọng xây dựng, vì rằng đây là vùng biên viễn phía Nam của Đàng Ngoài.

- Về quân sự:

Do địa thế Quảng Bình quá quan trọng về chiến lược nên các chúa Nguyễn rất chú trọng quân sự, điều đó được minh chứng bằng việc chúa cho xây dựng hệ thống thành lũy kiên cố ngăn quân Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn đã lấy đất Quảng Bình làm nơi để quyết chiến với quân Trịnh. Cùng với đó là việc bố phòng lực lượng quân đội trực tiếp ở cạnh các lũy để phòng quân chúa Trịnh tấn công. Nhân dân ở Quảng Bình vẫn luôn truyền tụng câu ca dao:

“Lũy Thầy ai đắp mà cao

Sông Gianh ai bới ai đào mà sâu”

Ngoài ra, ở một số địa phương vẫn còn lưu truyền những câu ca dao mà khi nhắc đến những địa danh này chắc hẳn quân thù thời bấy giờ còn thấy khiếp sợ:

“Nhát sợ lũy Thầy

Nhì sợ đầm lầy Võ Xá”.

Hay:

“Có tài vượt nổi sông Gianh

Dẫu thêm hai cánh trường thành khó bay”.

Chúa Nguyễn Phúc Nguyên ngày đêm lo nghĩ cho kế vẹn toàn giữ nước nhưng vẫn chưa tìm ra kế nào cho hợp lý, thì đúng ngay lúc đó Đào Duy Từ đã dâng kế sách. Đào Duy Từ tâu rằng: *“Nay thần đã có đầy đủ kế sách hay, coi trăm vạn hùng binh của quân Bắc như đàn ong bầy kiến, chẳng có gì đáng sợ!”*

Sãi vương nghe nói vui mừng hiện lên nét mặt, gật đầu bảo rằng:

- Nếu quả như lời khanh nói thì cứ tương kế tựu kế mà làm đi. Ta không có gì nghi ngại.

Lộc Khê vâng mệnh cùng với Chiêu Vũ đến dinh phủ Quảng Bình hạ lệnh cho quân đắp lũy ở cửa biển Nhật Lệ. Địa thế này dựa núi gần khe, chỉ hơn một tháng là

¹⁶ Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, Sđd, tr. 131.

đắp xong rất chắc chắn, ngăn cách đất Bắc, hiểm chẳng khác gì đường vào đất Thục”¹⁷.

Do giới hạn của bài hội thảo không cho phép nên chúng tôi không đi sâu trình bày chi tiết về quá trình xây dựng và mô tả của từng chiến lũy mà chỉ đề cập vai trò quân sự của nó.

Canh Ngọ, năm thứ 17 (1630) đắp lũy Trường Dục, chỉ trong một tháng, lũy đã được hoàn thành, trước đó Đào Duy Từ cũng khuyên chúa Nguyễn Phúc Nguyên dùng nộp thuế chợ họ Trịnh và trả lại sắc phong cho vua Lê. Xây dựng được lũy Trường Dục là một thành công lớn trong việc chống lại quân đội của chúa Trịnh. Lũy được xây dựng ngoài có thành bao bọc, trong có doanh trại, công sự chiến đấu, các hình thức tác chiến được bố trí hợp lý để dành cho ứng phó các tình huống khi quân địch tấn công. Đây là sự thành công bước đầu trong việc ngăn chặn sự tiến quân của Đàng Ngoài. Tiếp theo để có thể giữ vững vùng biên địa Quảng Bình, chúa Nguyễn lại tiếp tục cho xây dựng những lũy khác mà người đưa ra sáng kiến xây dựng tiếp theo không ai khác đó là Đào Duy Từ.

Chúa Nguyễn cho đắp lũy Đầu Mâu - Nhật Lệ, hoàn thành xong vào tháng 8 năm 1631, bao gồm cả lũy Trấn Ninh bồi tức thêm năm 1662. Đây là lũy ngăn chặn quân Trịnh tấn công theo hướng biển, lũy trong thì đắp đất, ngoài thì đóng gỗ lim, ngoài ra chúa Nguyễn còn cho mua xích sắt chắn ngang cửa biển Nhật Lệ.

Năm 1633, trước nguy cơ tấn công của Đàng Ngoài, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã cho đắp lũy Trường Sa, cùng với cắm cọc gỗ ngăn ở cửa biển Nhật Lệ để ngăn địch.

Các đời chúa Nguyễn kế tục cho đắp thêm các hệ thống công trình lũy bảo vệ khác, tất cả tạo nên một “mê cung trận” ngăn bước quân Trịnh xâm nhập vào lãnh thổ Đàng Trong. Các chúa Nguyễn đã biến Quảng Bình trở thành một bức tường thành vững chắc bảo vệ lãnh thổ Đàng Trong. Trong 6 lần tấn công, chưa bao giờ quân Trịnh vượt qua được các chiến lũy của quân dân chúa Nguyễn trên đất Quảng Bình.

Bên cạnh việc xây dựng các lũy thì trên đất Quảng Bình, các chúa Nguyễn còn bố trí quân đội đồn trú vì Quảng Bình là nơi tiên phong trong việc chống quân Trịnh. Các cuộc chiến đấu chống lại Đàng Ngoài đã để lại nhiều bài học quý báu trong việc bố phòng quân đội trên đất Quảng Bình, nơi biên cương phía Bắc của chúa Nguyễn. Quân đội của chúa Nguyễn không những là quân chính quy mà đó còn cả nhân dân Đàng Trong nói chung và nhân dân Quảng Bình nói riêng hỗ trợ. Sự tồn vong và hưng thịnh của chúa Nguyễn là do đã thu phục được nhân tâm, biết quan tâm đến nhân dân, lấy nhân tâm làm nền tảng của các chính sách khai phá, phát triển vùng đất Thuận Hóa. Khi chiến sự xảy ra, mỗi người dân trên mảnh đất Quảng Bình là một chiến binh, hợp cùng với quân đội đánh lui kẻ địch. Trong một lần phát động tấn công ra Đàng Ngoài theo kế của Nguyễn Hữu Dật vào năm 1655, chúa Nguyễn cũng đã huy động nhân dân Quảng Bình tích trữ lương thực, còn binh lính dinh Quảng Bình, cùng với Bộ Chính chuẩn bị quân nhu, các yếu phẩm để tiến đánh và trận ra

¹⁷ Nguyễn Khoa Chiêm, *Trịnh - Nguyễn diễn chí*, Tập 1, Sđd, tr.206.

quân này quân chúa Nguyễn đã ra tới Nghệ An. Quân đội được bố trí trên dinh Quảng Bình có đủ cả bộ binh, thủy binh, được đặt ở cả 3 dinh, các huyện, xã và có các đội quân Lưu Đồn: “Ở Đàng Trong, chúa Nguyễn cũng có thủy quân, nhưng thuyền và lính không nhiều bằng chúa Trịnh. Alexandre de Rhodes cho rằng, chúa Nguyễn có độ 200 thuyền, đóng ở ba nơi chính: một là bên con sông lớn (sông Gianh?)¹⁸, có đến 68 chiếc, hai là Kẻ Chiêm (Hội An thuộc Quảng Nam), ba là ở biên giới với nước Chăm, lúc này là vùng Khánh Hòa ngày nay”¹⁹. Nhưng theo ghi chép của Cristoforo Borri, có khoảng 100 chiến thuyền và “lực lượng của nhà vua nếu muốn có thể ra trận 80.000 chiến binh”²⁰.

Vùng chiến sự từ cửa Nhật Lệ, sông Gianh, không phải ngẫu nhiên mà các chúa Nguyễn chọn nơi đây đắp lũy kiên cố, xây dựng công sự để chống lại thế lực Đàng Ngoài với một địa hình dễ phòng thủ dựa vào sông sâu nối liền với biển cho tàu thuyền dễ ra vào, cộng với núi cao hiểm trở như sông Gianh, sông Nhật Lệ. Không hiểu vì lý do gì mà không thấy chúa Trịnh cho quân tấn công đường biển từ cửa biển cảng Gianh mà hướng chính là đánh ở cửa biển Nhật Lệ?

- Về hành chính

Khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, theo như sách *Đại Nam thực lục* cho biết: “*Thuận Hóa có 2 phủ, 9 huyện, 3 châu. Phủ tiên Bình (xưa là Tân Bình), lĩnh 3 huyện: Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh và 1 châu: Bồ Chánh...*”²¹. Các chúa Nguyễn đã tiến hành sắp đặt lại bộ máy hành chính để làm cho phù hợp với vùng đất mới, chứng tỏ sự khác biệt tách ra khỏi sự lệ thuộc vào chính quyền Lê - Trịnh, cũng là để dễ quản lý làm cho tình hình chính trị ổn định. Bộ máy hành chính có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ thế lực của mình nên các chúa Nguyễn đã xây dựng một bộ máy có thể với tay tới tận các làng xã trong đó có dinh Quảng Bình. Hơn nữa, vùng đất Quảng Bình tạm thời được xem là biên giới với thế lực Đàng Ngoài nên các chúa Nguyễn rất chú trọng đến việc tổ chức xây dựng bộ máy hành chính ở đây để có thể ứng phó một cách mạnh mẽ, linh hoạt khi có những biến cố xảy ra. Theo đánh giá của Borri thì phải những người giỏi mới được lựa chọn làm quan đứng đầu ở vùng đất Quảng Bình: “*vua xứ Đàng Trong đóng đô ở Sinuua (Thuận Hóa) tỉnh địa đầu của vương quốc ông để được ở gần mà đối đầu và đưa lực lượng của mình chống lại tỉnh biên giới Bắc Hà, một tỉnh rất mạnh (Nghệ An) và thường có một người nhiều kinh nghiệm và khôn khéo trong chiến trận làm tổng trấn*”²².

Để có một vị thế tương xứng với vương triều Đàng Ngoài, chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) xưng vương (1744), đúc ấn “*Quốc vương*” thay cho ấn “*Tổng trấn tướng quân*”. Ông cũng cho thành lập đủ 6 bộ y như một triều đình. Do tầm quan trọng

¹⁸ Theo chúng tôi thì có lẽ sông Nhật Lệ thì có lý hơn vì rằng ở đây là chặn đánh con đường từ biển vào của thế lực Đàng Ngoài (tác giả).

¹⁹ Tô Am Nguyễn Toại (1997), *Thủy quân ngày xưa, Nghiên cứu và phát triển*, (2), tr.45.

²⁰ Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, Sđd, tr.402.

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.29.

²² Cristoforo Borri, *Bản tường trình về xứ Đàng Trong*, Những người bạn Cổ Đô, Tập 18 (BAVH), 1931, Sđd, tr.404.

về chính trị và quân sự nên đất Quảng Bình được các chúa Nguyễn cho lập 3 dinh²³ là: dinh Quảng Bình, còn gọi là dinh Trạm đóng ở An Trạch (Lê Thủy), dinh Lưu Đồn còn gọi là dinh Mười đóng ở Võ Xá (Quảng Ninh) và dinh Bồ Chánh còn gọi là dinh Ngói đóng tại Thổ Ngọa (Khang Lộc). Các dinh ở Quảng Bình nặng về yếu tố quân sự. Đứng đầu dinh gồm các chức Trấn thủ, Cai bạ và Ký lục. Dưới Trấn thủ, Cai bạ và Ký lục là cơ quan sở thuộc, đó là các Ty. Ngoài ra còn có hệ thống Tam ty (Xá sai, Tướng thân lại và Lệnh sử) và các thuộc viên giúp việc.

Bên dưới dinh là các cấp phủ, huyện, tổng, xã. Tùy vào số lượng dân trong xã mà đặt số lượng tướng thân và xã trưởng. Những xã có khoảng dưới 999 người trở xuống được đặt 18 xã trưởng và tướng thân. Những xã có 400 người trở xuống đặt 8 xã trưởng và tướng thân. Còn những xã có khoảng dưới 70 người thì chỉ được đặt 1 tướng thân và xã trưởng. Việc nắm bắt được từng xã để có thể dễ dàng kiểm soát dân đinh cũng như về các vấn đề thu thuế... huy động các tài lực, vật lực ủng hộ các cuộc chiến tranh chống lại kẻ địch. Nắm được dân đinh là một việc rất quan trọng trong việc huy động và điều động đi lính để sẵn sàng đáp ứng cho chiến tranh khi có lệnh điều động gấp rút.

Quảng Bình là nơi chiến địa nên vấn đề kiện toàn một bộ máy hành chính là điều rất quan trọng, để khi thời bình thì dễ quản lý còn thời chiến thì dễ dàng điều động chỉ huy, nhằm loại bỏ kẻ thù ra khỏi lãnh địa. Bộ máy hành chính thời chúa Nguyễn ở Quảng Bình là một quyền lực nặng yếu tố quân sự, có kết liên hoàn đã góp phần quan trọng trong việc trị nước, an dân góp phần đánh bại quân Trịnh trong 45 năm chiến tranh (1627-1672).

- Về kinh tế

Tuy không phải là vùng đất chủ lực trong việc phát triển kinh tế Đàng Trong, nhưng Quảng Bình cũng là một trong những nơi có nền sản xuất lúa gạo lớn, với một vùng đồng bằng màu mỡ ở huyện Lê Thủy, rất thuận lợi cho cây lúa phát triển như ông cha ta có câu “*thực túc binh cường*”. Việc tập trung quân cùng với thường xuyên phải chiến đấu nên việc huy động lương thực tại chỗ là điều khó tránh khỏi và Quảng Bình đảm nhiệm song song hai nhiệm vụ vừa là tiền tuyến vừa là hậu phương vững chắc. Trong thời bình thì lại là nơi sản xuất lúa gạo không những đáp ứng nhu cầu trong vùng mà còn dùng để trao đổi hàng hóa với các vùng đất khác ở Đàng Trong. Ngoài Đồng Nai, có lẽ Quảng Bình là vựa lúa lớn thứ hai ở Đàng Trong. Ngoài ra, ở Quảng Bình còn có nhiều loại cây hoa màu như khoai, ngô, sắn... cùng với cây khác mà thương lái nước ngoài rất ưa thích: “*Cau ở Thuận Hóa bốn mùa đều có, mềm non mà ngọt, giá rất rẻ, mười quả chỉ 2 đồng. Tục ở Quảng Bình, cứ dưới một cây cau thì trồng một cây trầu không, hay một cây hồ tiêu cho phụ vào, vườn rừng um tùm, ở chân núi Ai-Vân cùng các xứ phường Lạc, phường Giá, phường Rây thuộc Quảng Nam, cau*

²³ Trực thuộc Chính quyền Trung ương là các dinh, Đàng Trong có 11 dinh và 1 trấn (Hà Tiên).

mọc thành rừng, quả già da sém, người địa phương lấy hạt chứa cao như gò, tàu Bắc mua chở về Quảng Đông bán ăn thay chè”²⁴.

Tiềm lực kinh tế Quảng Bình còn được thể hiện ở sự phát triển nhanh chóng của các ngành nghề thủ công như nghề dệt chiếu, rèn sắt và cả nghề đóng thuyền... Tất cả loại hàng hóa đó đã đáp ứng phần nào thị trường nội địa và một số đã giúp cho nền ngoại thương Đàng Trong phát triển. Thế kỉ XVI - XVII là thời kỳ hưng thịnh của nền thương mại của Đàng Trong, rất nhiều các thương nhân nước ngoài đến để bán buôn, kể cả những thương nhân các nước phương Tây như Hà Lan, Bồ Đào Nha... hay là những bạn hàng truyền thống như Quảng Đông, Nhật Bản... Với sự hấp dẫn về hàng hóa đã thu hút được các thương lái nước ngoài nên các chúa Nguyễn đã nhờ vào họ mua sắm những vũ khí hiện đại, cũng như học hỏi được cách đúc súng, làm những vũ khí chiến đấu.

Quảng Bình đã đóng một phần rất lớn cho sự phát triển của kinh tế Đàng Trong, kể cả sản xuất nông nghiệp lẫn thủ công nghiệp và nội, ngoại thương.

- Về nhân lực

Nguyễn Hoàng là người nắm bắt được thời thế nên đã nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, ra sức phát triển nền nông nghiệp, khai phá đất đai. Để thu hút nhân lực đến với vùng đất Thuận Quảng, trong buổi đầu, chúa có chính sách miễn giảm thuế, không bắt lính, ngoài ra còn tạo mọi điều kiện để yên ổn làm ăn. Điều này đã được nhiều sách ghi lại: *“Hễ là dân mới về hay mới đến thì được chước miễn 3 năm để cho yên nghiệp làm ăn, bản xã không được ức thế bắt lính, hết hạn mới thế chấp”²⁵.*

Trong *Thực Lục* cũng viết rằng *“Chúa võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục, bấy giờ thường xưng là chúa Tiên. Nghiệp đế dựng lên, thực là xây nền từ đấy”²⁶.*

Cũng từ đây, các dòng người ở miền Bắc vào với vùng đất Thuận Quảng nói chung và mảnh đất Quảng Bình nói riêng ngày một nhiều hơn. Chúa Nguyễn đã khai thác triệt để và hợp lý nguồn nhân lực tạo nên một lợi thế tối ưu trong việc mở mang bờ cõi và chống lại kẻ thù. Những dòng người di cư đến làm cho Quảng Bình đông đúc hơn; các chúa Nguyễn hiểu được rằng chỉ có dựa vào dân mới tạo nên một bức tường thành vững chắc cho chế độ. Chúa Nguyễn Hoàng rất có ý thức về điều đó và di chúc dặn lại con Nguyễn Phúc Nguyên nên phát huy tốt lợi thế này. Với chính sách trọng dụng nhân tài, chúa Nguyễn đã thu hút được một số lượng lớn các nguồn nhân lực ưu tú từ đất Bắc vào, trong đó có nhân vật kiệt xuất Đào Duy Từ *“nghe tiếng chúa yêu dân quý học trò, hào kiệt đều quy phục, quyết chí đi theo, bèn một mình vào Nam”²⁷.* Đào Duy Từ đã có công rất lớn trong việc xây dựng cho Đàng Trong một sức mạnh để đương đầu với thế lực Đàng Ngoài mà tiêu biểu đối với Quảng Bình là hệ thống chiến lũy mang tên ông hoặc với một danh xưng kính nể:

²⁴ Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập 1, Sđd, tr.323.

²⁵ Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập 1, Sđd, tr.183.

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.28.

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.42.

“lũy Thầy”. Đào Duy Từ đã làm nên những “kỳ quan” về quân sự trên đất Quảng Bình và còn bảo lưu đến ngày nay. Nguồn nhân lực trí thức này cùng với quân dân Đàng Trong đã làm nên một thế phát triển vững mạnh và có tiềm lực hơn so với Đàng Ngoài.

Một dòng họ nhiều đời làm trấn thủ Quảng Bình và có công lao to lớn trong việc mở mang bờ cõi và trấn nhậm đất phương Nam là gia tộc Trương Phúc, mở đầu là Trương Phúc Phấn.

Trương Phúc Phấn quê Thanh Hóa theo Nguyễn Hoàng vào trấn nhậm Thuận Hóa và được chúa Nguyễn Hoàng bổ nhiệm làm trấn thủ Quảng Bình, gia đình cư trú tại lũy Trấn Ninh. Năm 1630, chúa Nguyễn Phúc Nguyên cho lập dinh Bồ Chính để chặn đánh quân Trịnh, Trương Phúc Phấn được cử làm Trấn thủ. Chiến công lớn nhất của Trương Phúc Phấn là trận phản công chiếm được Bắc Bồ Chánh vào năm 1639. Trận chiến ác liệt nhất là vào năm 1647, quân Trịnh đã phá vỡ một đoạn dài gần một trăm mét của lũy Trường Dục, binh sĩ hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Trương Phúc Phấn ngồi trước lũy, đánh trống vẫy cờ chỉ huy trận chiến nhằm làm mục tiêu cho đối phương tung hết hỏa lực để tiêu diệt, nhưng không sao giết được ông. Không mấy chốc lũy đã được đắp lại. Trương Phúc Phấn vẫn thản nhiên chỉ huy cho đến lúc quân Trịnh thua và tháo chạy²⁸.

Trương Phúc Hùng là con của Trương Phúc Phấn đã từng theo cha chiến đấu đầy lùi được quân Trịnh tại lũy Trường Dục trong trận năm 1648, từng đánh tan quân Trịnh trong trận năm 1654. Do có nhiều công trạng trong cuộc chiến chống quân Trịnh nên Trương Phúc Hùng được thăng chức Chương cơ trấn thủ dinh Bồ Chính (1663), sau đó làm trấn thủ dinh Quảng Bình²⁹.

Trương Phúc Cương là con thứ của Trương Phúc Phấn, giữ chức Chương cơ ngăn chặn quân Trịnh ở lũy Trấn Ninh năm 1672, bổ làm Thống suất đạo Lưu Đồn rồi thăng làm Chương dinh³⁰.

Trương Phúc Thúc con của Trương Phúc Hùng làm trấn thủ Quảng Bình. Do dòng họ có công lao to lớn với chúa Nguyễn nên chúa cho lấy lý sở Quảng Bình làm nhà thờ họ Trương, con và cháu của Trương Phúc Thúc đều là công thần thời chúa Nguyễn³¹.

Trương Phúc Phan là con của Trương Phúc Cương làm chức Chương dinh rồi bổ nhiệm trấn thủ dinh Trấn Biên (nay là miền Đông Nam Bộ). Năm 1702, quân Anh đánh chiếm Côn Đảo, Trương Phúc Phan dùng người Chà Và làm nội ứng tiêu diệt các sĩ quan và binh lính Anh làm địch suy yếu và hoang mang. Năm 1703, Trương Phúc Phan cho quân ra giải phóng Côn Đảo³².

²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.123-124.

²⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.124-125.

³⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.125-126.

³¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.126.

³² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.126.

Ngoài dòng họ Trương Phúc nhiều đời làm trấn thủ Quảng Bình, có công đánh quân Trịnh giữ vững trận địa Quảng Bình và mở cõi, đánh quân Anh giữ vững chủ quyền biển đảo thì Quảng Bình còn có dòng họ Nguyễn Hữu mà tiêu biểu là Nguyễn Hữu Dật, danh tướng giữ đất Quảng Bình trong suốt 45 năm của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn và danh tướng mở cõi Nguyễn Hữu Cảnh gắn với quá trình mở đất Nam Bộ hiện nay.

Nguyễn Hữu Dật (1603-1681), quê Thanh Hóa theo Nguyễn Hoàng vào nhập cư ở huyện Phong Lộc, Quảng Bình. Ông là danh tướng hàng đầu của chúa Nguyễn giữ chức Chương dinh Tiết chế tước Chiêu Vũ hầu, là tướng có tài thao lược, mưu cao trải qua 3 đời chúa trong cuộc chiến tranh với họ Trịnh là Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Lan và Nguyễn Phúc Tần. Ông chỉ huy nhiều trận đánh, từ trận đầu tiên năm 1627 đến trận cuối cùng vào năm 1672, trận nào cũng đánh bại quân Trịnh trên đất Quảng Bình và đánh thắng khi quân Nguyễn tấn công ra đất Nghệ An (1655-1657)³³.

Nguyễn Hữu Cảnh³⁴ (1650-1700), con thứ ba của Nguyễn Hữu Dật giữ chức Thống suất Chương cơ, tước Lễ Thành hầu thời chúa Nguyễn Phúc Tần và Nguyễn Phúc Chu. Năm 1693, chúa Nguyễn Phúc Tần cử ông chỉ huy đánh Champa mở trấn Thuận Thành³⁵, lập phủ Bình Thuận (1697). Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu vào năm 1698, lập dinh Trấn Biên (Biên Hoà - Đồng Nai) và Phiên Trấn (Sài Gòn - Gia Định) cử ông làm tổng trấn đầu tiên của chính quyền chúa Nguyễn tại miền Đông Nam Bộ. Trong những năm làm Kinh lược sứ Chân Lạp và trấn nhậm đất Sài Gòn, Nguyễn Hữu Cảnh đã khai phá đất cù lao Ông Chưởng nay thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, mở đầu cho trào lưu người Việt di dân vào miền Tây Nam Bộ. Ông chết năm 1700 tại Rạch Gầm, tỉnh Tiền Giang, trên đường lui quân từ Chân Lạp về nước. Thương tiếc ông, bãi Cù lao Phố ở Trấn Biên (Biên Hòa), Chợ Mới (An Giang) và nhiều nơi khác trên đất Nam Bộ nhân dân làm đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh; ở Nam Vang, người dân Chân Lạp cũng lập đền để thờ ông³⁶. Trong lịch sử, Quảng Bình dưới thời chúa Nguyễn là nơi ghi lại nhiều dấu ấn khá đậm nét. Đó là hệ thống thành lũy và cuộc chiến tranh 45 năm xảy ra trên vùng đất này và cuối cùng chúa Nguyễn đã thắng. Chúa Nguyễn đã dựa vào địa thế Quảng Bình để xây thành đắp lũy, đóng quân, lập trận đồ ngăn chặn đối phương; dựa vào lòng dân để chiến đấu và củng cố hậu phương. Nhiều tướng lĩnh tài năng thời chúa Nguyễn được phát lộ, thi thố từ đất Quảng Bình, nhiều danh nhân, danh tướng gắn bó với vùng đất này như Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến, Trương Phúc Phấn, Trương Phúc Hùng... Trong đó có rất nhiều tướng quê hương Thanh Hóa theo Nguyễn Hoàng vào định cư và xây dựng sự nghiệp trên đất Quảng Bình như gia tộc Trương Phúc Phấn, gia tộc Nguyễn Hữu Dật... Từ đó, Quảng Bình không những có nhiều *danh hương* mà còn có nhiều *quý tộc* ra đời từ thời chúa Nguyễn như gia tộc Trương Phúc, Nguyễn Hữu có công lao

³³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.95-107, Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.69-70.

³⁴ Sử sách triều Nguyễn ghi là Nguyễn Hữu Kính.

³⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Sử học, Hà Nội, 1962, tr.147.

³⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Bản dịch, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.108-110, Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb Thuận Hóa, 1994, tr.70. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb Sử học, Hà Nội, 1962, tr.155.

Phần II:

QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

to lớn không những trong việc giữ yên cõi Bắc mà còn khai mở đất phương Nam, đánh giặc Tây tại biển đảo phía Đông³⁷.

Non xanh nước biếc và con người Quảng Bình đã ghi lại nhiều dấu ấn đậm nét trong sử sách, đặc biệt là dưới thời chúa Nguyễn, một niềm tự hào về vùng đất đã sản sinh ra nhiều danh nhân đất nước khai mở đất phương Nam.

³⁷ Năm 1644, Trương Phúc Hùng chỉ huy thuyền chiến đánh tan hạm đội Hà Lan ngoài khơi vùng biển Thừa Thiên Huế và năm 1703, Trương Phúc Phan đã dùng kế nội ứng và thủy quân đánh bại quân Anh, giải phóng Côn Đảo.